

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-ST
Ngày 29 - 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi.
2. Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Thành H (Th), sinh năm 1997; nơi sinh: Thành phố CD, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khóm CL 8, phường CP.B, thành phố CD, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th1, sinh năm 1959 và bà Trần Thị H, sinh năm 1959; anh, chị, em ruột có 05 người, bị cáo là người nhỏ nhất; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Tốt.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp AT, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp PT, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Võ Văn Nh, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Hữu Tr, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khóm CQ, phường CP.B, thành phố CD, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Phước N, sinh năm 1963; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 28/6/2020, Phạm Thành H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68S5-2633 từ thành phố CD đến huyện AP tìm tài sản trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến nhà trọ PQ (thuộc ấp AT, thị trấn AP, huyện AP) của ông Trần Văn Đ, H thấy bên trong nhà trọ có nhiều cây mai vàng, nên H lén vào lấy trộm 02 cây mai của ông Đ ra khỏi chậu, H dùng cửa sắt cửa gọn các nhánh mai, chừa thân và rẽ rồi dùng áo vải bó hai cây mai lại để trước бага xe và điều khiển xe chạy theo tỉnh lộ 957 về CD tiêu thụ. Trên đường đi, H gặp Lực lượng Công an xã ĐP đang tuần tra trên đường, sợ bị bắt H bỏ xe 68S5-2633 cùng 02 cây mai vừa trộm được của ông Đ trên đường, rồi H nhảy xuống sông tẩu thoát. Sau đó, Lực lượng Công an xã ĐP bắt giữ được H và đưa về trụ sở làm việc, qua làm việc H thừa nhận ngoài lần trộm cây mai của ông Đ, H còn thực hiện 03 vụ trộm cây mai trên địa bàn huyện AP cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào đêm 18/6/2020, H điều khiển xe 68S5-2633 đến ấp AH, thị trấn AP, huyện AP lấy trộm 05 cây mai của ông Trần Văn L. Sau khi lấy trộm, H mang 05 cây mai bán cho người đi đường không biết họ tên và địa chỉ được 750.000 đồng (mỗi cây 150.000 đồng), số tiền này H mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Đêm 25/6/2020, H điều khiển xe 68S5-2633 đến ấp AH, thị trấn AP, huyện AP lấy trộm 01 cây mai của ông Võ Văn Nh. Sau khi trộm được H mang về nhà cất giấu, đến sáng thấy cây mai bị mục, nghĩ đã chết nên H ném bỏ.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ ngày 27/6/2020, H điều khiển xe 68S5-2633 đến khu dân cư cầu CT (thuộc ấp PT, xã ĐP, huyện AP) lấy trộm mai 02 cây mai của bà Phạm Thị Tuyết M. Sau khi lấy trộm xong, H mang 02 cây mai về nhờ anh Trần Hữu Tr giữ dùm.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) gốc cây mai vàng có đường hoành gốc 35 cm, cao 1m20;
- 01 (một) gốc cây mai vàng có đường hoành gốc 37 cm, cao 60 cm;
- 01 (một) gốc cây mai vàng có đường hoành gốc 30 cm, cao 40 cm;

- 01 (một) gốc cây mai vàng có đường hoành gốc 25 cm, cao 25 cm.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 29/KL-DGTSTTHS ngày 02/7/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang xác định tổng giá trị: 01 gốc cây mai vàng cao khoảng 1,2 m, hoành gốc 35 cm, có giá trị là 10.000.000 đồng và 01 gốc cây mai vàng cao khoảng 60 cm, hoành gốc 37 cm, có giá trị là 6.000.000 đồng. Tổng giá trị là 16.000.000 đồng.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 32/KL-DGTSTTHS ngày 13/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang xác định tổng giá trị: 01 gốc cây mai vàng cao 1,95 m, hoành gốc 30 cm có giá trị là 6.000.000 đồng và 01 gốc cây mai vàng cao 1,45 m, hoành gốc 25 cm, có giá trị là 4.000.000 đồng. Tổng giá trị là 10.000.000 đồng.

Ngày 29/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú ban hành Quyết định tạm giữ đối với Phạm Thành H (Th). Đến ngày 08/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Phạm Thành H (Th) về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tại Bản Cáo trạng số 50/CT-VKS.AP ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Phạm Thành H (Th) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Phạm Thành H (Th) khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Xác định hành vi của bị cáo Phạm Thành H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật nên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo tại phiên tòa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thành H (Th) phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự thú hành vi phạm tội trước đó; bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự theo quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng.

Từ những phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Thành H (Th) từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú trao trả lại cho bị hại ông Trần Văn Đ, bà Phạm Thị Tuyết M nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần Văn Đ, bà Phạm Thị Tuyết M, ông Võ Văn Nh, ông Nguyễn Văn L không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Buộc bị cáo giao nộp số tiền 750.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước do đây là số tiền bất chính có được từ việc phạm tội.

Đối với ông Trần Hữu Tr nhận giữ 02 cây mai do bị cáo trộm cắp mà có. Khi nhận giữ ông Tr không biết đây là 02 cây mai mà bị cáo trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Tr là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với 06 cây mai mà bị cáo lấy trộm của ông Nguyễn Văn L, ông Võ Văn Nh chưa thu hồi được nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang không xác định được giá trị. Do đó, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 68S5-2633, chưa kiểm tra thực tế bên trong. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú hiện đang xác minh chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả nên sẽ tiếp tục xác minh, sau khi có kết quả sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình, làm một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại ông Trần Văn Đ, bà Phạm Thị Tuyết M, ông Võ Văn Nh, ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Hữu Tr, người làm chứng ông Trần Phước N đều vắng mặt

không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của họ. Xét việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Lời nhận tội của bị cáo Phạm Thành H (Th) tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, đồng thời cũng phù hợp với lời khai của của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Qua xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 23 giờ ngày 28/6/2020, bị cáo Phạm Thành H (Th) đã lén lút lấy trộm 02 cây mai của ông Trần Văn Đ và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68S5-2633 chạy theo tỉnh lộ 957 về CD tiêu thụ. Sau đó, bị cáo bị Lực lượng Công an xã ĐP bắt giữ và đưa về trụ sở làm việc. Theo đó, bị cáo khai nhận còn thực hiện 03 vụ trộm cây mai trên địa bàn huyện AP, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào đêm 18/6/2020, bị cáo điều khiển xe 68S5-2633 đến ấp AH, thị trấn AP, huyện AP lấy trộm 05 cây mai của ông Trần Văn L. Sau khi lấy trộm, bị cáo bán cho người đi đường không biết họ tên và địa chỉ được 750.000 đồng (mỗi cây 150.000 đồng), số tiền này bị cáo mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Đêm 25/6/2020, bị cáo điều khiển xe 68S5-2633 đến ấp AH, thị trấn AP, huyện AP lấy trộm 01 cây mai của ông Võ Văn Nh. Sau khi lấy trộm, bị cáo mang về nhà cất giấu, đến sáng thấy cây mai bị mục, nghĩ đã chết nên bị cáo ném bỏ.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ ngày 27/6/2020, bị cáo điều khiển xe 68S5-2633 đến khu dân cư cầu CT (thuộc ấp PT, xã ĐP, huyện AP) lấy trộm mai 02 cây mai của bà Phạm Thị Tuyết M. Sau khi lấy trộm, bị cáo mang 02 cây mai về nhờ anh Trần Hữu Tr giữ dùm.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Phạm Thành H (Th) là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Thủ đoạn phạm tội của bị cáo là lợi dụng đêm khuya, vắng người qua lại, thời điểm mà chủ sở hữu mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản và đồng thời cũng tránh bị người khác phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 10 cây mai, trong đó thu hồi được 04 cây mai có tổng giá trị 26.000.000 (hai mươi sáu triệu) đồng tiền Việt Nam theo Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 29/KL-ĐGTSTTHS ngày 02/7/2020 và Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 32/KL-ĐGTSTTHS ngày 13/7/2020 cùng của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo đang ở tuổi lao động và có sức khỏe, lẽ ra bị cáo cần tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình, nhưng vì bản chất lười lao động, bản thân lại nghiện ma túy nên để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã thực hiện 04 (bốn) lần cùng một hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 02 (hai) lần mà giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng và đủ các yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự. Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự thú những lần phạm tội trước đó; bị hại ông Trần Văn Đ có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Về hình phạt:

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như sự cần thiết đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt áp dụng đối với bị cáo, đó là cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian nhất định nhằm đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Việc áp dụng hình phạt tù còn nhằm đảm bảo mục đích cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú đã trao trả 01 (một) gốc cây mai vàng có đường hoành gốc 35 cm, cao 1m20; 01 (một) gốc cây mai vàng có đường hoành gốc 37 cm, cao 60 cm cho ông Trần Văn Đ theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 26 ngày 30/6/2020 và trao trả 01 (một) gốc cây mai vàng có đường hoành gốc 30 cm, cao 40 cm; 01 (một) gốc cây mai vàng có đường hoành gốc 25 cm, cao 25 cm cho bà Phạm Thị Tuyết M theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 25 ngày 30/6/2020. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 68S5-2633, nhãn hiệu Viva, số khung: BE44F-VN109187, chưa kiểm tra thực tế bên trong. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú hiện đang xác minh chủ sở hữu. Việc chưa xử lý xe mô tô biển kiểm soát 68S5-2633, nhãn hiệu Viva, số khung: BE44F-VN109187, chưa kiểm tra thực tế bên trong không làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, giao xe mô tô biển kiểm soát 68S5-2633, nhãn hiệu Viva, số khung: BE44F-VN109187, chưa kiểm tra thực tế bên trong cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú tiếp tục xác minh làm rõ, sau khi có kết quả sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[10] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng bị cáo đã tiêu xài. Đây là số tiền bị cáo có được từ việc phạm tội nên buộc bị cáo giao nộp số tiền này để sung quỹ nhà nước.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Trần Văn Đ, bà Phạm Thị Tuyết M đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Bị hại ông Nguyễn Văn L, ông Võ Văn

Nh cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị mất, chưa thu hồi được. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Ông Trần Hữu Tr nhận giữ 02 cây mai do bị cáo trộm cắp mà có. Tuy nhiên, khi nhận giữ 02 cây mai này, ông Tr không biết đây là tài sản mà bị cáo trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Tr là có căn cứ.

[13] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú tiếp tục xác minh làm rõ 06 (sáu) cây mai mà bị cáo lấy trộm của ông Nguyễn Văn L, ông Võ Văn Nh nhưng chưa thu hồi được để xử lý sau.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thành H (Th) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thành H (Th) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ ngày 29/6/2020 (ngày hai mươi chín tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi).

2. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Buộc bị cáo Phạm Thành H (Th) phải giao nộp số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc bị cáo Phạm Thành H (Th) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Phạm Thành H (Th) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại ông Trần Văn Đ, bà Phạm Thị Tuyết M, ông Nguyễn Văn L, ông Võ Văn Nh; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Hữu Tr là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (2);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn